

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2025

BẢNG BÁO GIÁ THỰC PHẨM THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Kính gửi: Các trường học trên địa bàn thành phố Hải Dương

"Công ty TNHH thương mại thực phẩm An Phát" xin thông báo tới Quý nhà trường bảng báo giá sản phẩm được áp dụng từ ngày 01/05/2024 như sau:

TT	Loại mặt hàng	ĐV	Giá tháng 5(chưa thuế)	Giá tháng 5 (đã tính thuế)
1	Thịt sấn (mông, vai, thăn)	kg	132.400	139.000
2	Thịt bò bì (mông, vai, thăn)	kg	145.900	153.100
3	Thịt nạc vai	kg	177.000	185.800
4	Thịt nạc (mông, nạc thăn)	kg	159.400	167.300
5	Ba chỉ	kg	177.000	185.800
7	Sườn lợn không sống	kg	175.600	184.300
8	Sườn lợn có sống	kg	157.800	165.600
10	Xương cổ, xương đuôi lợn	kg	102.700	107.800
11	Xương ống, xương hom lợn	kg	78.900	82.800
12	Mỡ lợn bì (mỡ khỏ)	kg	85.500	89.700
13	Thịt bò loại 1 (thăn, bắp)	kg	308.000	323.400
14	Thịt bò loại 2 (thăn, bắp)	kg	301.300	316.300
15	Thịt bò diêm thăn	kg	310.500	326.000
16	Thịt bò ba chỉ (bò vạm)	kg	302.700	317.800
17	Đùi gà góc tư	kg	93.300	97.900
18	Đùi tỏi gà	kg	117.300	123.100
19	Ức gà CN có xương	kg	89.300	93.700
20	Ức gà CN không xương	kg	93.300	97.900
21	Thịt gà CN (bỏ chân, cánh, cổ, đầu)	kg	89.300	93.700
22	Thịt gà (nguyên con)	kg	142.100	149.200
23	Thịt gà (bỏ chân, cánh, đầu, cổ)	kg	155.200	162.900
24	Thịt Vịt (nguyên con)	kg	105.200	110.400
25	Thịt Vịt (bỏ chân, cánh, cổ, đầu)	kg	125.000	131.200
26	Thịt Ngan (nguyên con)	kg	111.800	117.300
27	Thịt Ngan (bỏ chân, cánh, cổ, đầu)	kg	131.500	138.000
28	Chim bồ câu	Con	125.000	131.200
29	Tim lợn	kg	309.200	324.600
30	Tim cật lợn	kg	157.800	165.600
31	Ruốc	kg	553.300	597.500

32	Mọc	kg	177.600	191.800
33	Giò lợn	kg	184.200	198.900
34	Chả lợn	kg	177.600	191.800
35	Xúc xích W10 (20 cái/kg)(CP)	kg	111.800	120.700
36	Xúc xích V10 (20 cái/kg)(CP)	kg	131.500	142.000

Bảng giá thay đổi khi có thông báo mới

Hotline : 0902.169.454

Trân trọng kính chào và mong được sự ủng hộ của Quý khách hàng!

CÔNG TY TNHH TM THỰC PHẨM AN PHÁT



**GIÁM ĐỐC
VŨ THỊ CHINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BẢNG BÁO GIÁ THỰC PHẨM**Kính gửi:** Các đơn vị trường học trên địa bàn TP. Hải Dương

Công ty Cổ Phần Viger Việt Nam xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc tới Quý trường đã ủng hộ mặt hàng công ty chúng tôi cung cấp trong thời gian vừa qua.

Công ty Cổ Phần Viger Việt Nam gửi bảng báo giá danh mục thực phẩm như sau:

TT	Loại mặt hàng	ĐVT	Giá (chưa thuế) T5	Giá (đã tính thuế) T5
I/ Thủy, hải sản và các SP chế biến từ thủy, hải sản				
1	Cá ngừ cắt hạt lựu (hàng xuất khẩu)	Kg	141,000	148,050
2	Rẻo cá ngừ	Kg	126,000	132,300
3	Cá ngừ ngâm dầu túi Zip	Kg	131,818	142,363
4	Cá Trắm cỏ phile (Từ 3.5kg/con trở lên)	Kg	139,000	145,950
5	Cá Trắm nguyên con bỏ đầu và ruột, sắt khúc (từ 3,5kg/con trở lên)	Kg	120,000	126,000
6	Cá Trắm nguyên con (từ 3,5kg/con trở lên)	Kg	85,000	89,250
7	Cá thu	Kg	220,000	231,000
8	Cá rô phi nguyên con (1kg/con)	Kg	68,600	72,030
9	Cá Tầm	Kg	335,000	351,750
10	Cá hồi	Kg	350,000	367,500
11	Cá rô Phi Phile (1kg/con)	Kg	124,000	130,200
12	Tôm biển (loại 40-50 con/Kg)	Kg	320,000	336,000
13	Tôm biển (loại 60-65con/Kg)	Kg	285,000	299,250
14	Tôm biển (loại 95 - 115 con/Kg)	Kg	213,000	223,650
15	Tôm nõn biển bóc vỏ đóng hộp L1	Kg	261,000	274,050
16	Ngao biển loại to	Kg	19,000	19,950
17	Lươn	Kg	230,000	241,500
18	Traí	Kg	16,000	16,800
19	Hến	Kg	18,000	18,900
20	Tép đồng	Kg	168,000	176,400
21	Cua đồng	Kg	195,000	204,750

22	Giò cá Basa	Kg	100,000	108,000
23	Chả cá biển (truyền thống)	Kg	110,000	118,800
24	Chả cá Basa	Kg	92,593	100,000
25	Chả cá viên Basa	Kg	92,593	100,000

- Giá trên đã bao gồm thuế theo quy định và đã bao gồm phí vận chuyển.
- Giá trên có thể thay đổi theo giá thị trường
- Điện thoại liên hệ: 097.380.7668

Rất hân hạnh được hợp tác và là đối tác tin cậy của Quý trường. Trân trọng!



CÔNG TY CP VIGER VN

**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TOÀN**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

Số 234 Hoàng Quốc Việt, Phường Tứ Minh, Thành Phố Hải Dương

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM

(Áp dụng tháng 05/2025 đến khi có thông báo mới)

STT	TÊN SẢN PHẨM	QUY CÁCH	GIÁ CỐ (VAT)	Ghi chú
			Đơn vị (hộp, lq, kg)	
1	Sữa tươi tiệt trùng Có Đường Ba Vì 110ml	48H/T	4,540	
2	Sữa KUN Socola Lúa Mạch 110mlx48	48H/T	4,160	
3	Sữa KUN Sữa Trái Cây Hương Dâu, Cam, Nho, Trái cây nhiệt đới 110mlx48	48H/T	4,000	
4	Sữa KUN Socola Lúa Mạch, Cam, kem Dâu 180mlx48	48H/T	6,600	
5	STC KUN Hương Cam, Nho, Trái cây nhiệt đới 180mlx48	48H/T	6,100	
6	Sữa Tươi Ba Vì Có Đường 180ml	48H/T	6,720	
7	SCU KUN hương Nho/Dâu/Trái cây chai 85mlx48	48H/T	3,750	
8	Sữa chua Ba Vì Có Đường 100grx48	48H/T	4,300	
9	Lof Sữa chua ăn men sống Có Đường (75g)	48H/T	3,800	
10	Sữa chua Thạch Dưa Lưới (75g)	48H/T	3,800	
11	Sữa tươi KAKA trái cây nhiệt đới/ Dâu/Cam (110ml)	48 H/T	4,000	
12	SC Ba Vì vị trái cây (70 g)	48 H/T	4,120	
13	SCU Ba Vì vị Cam/Dâu Thanh trùng (95 ml)	48 H/T	3,900	
14	Sữa IZZI Thức uống dinh dưỡng trái cây nhiệt đới/cam/dâu (110ml)	48 H/T	4,000	
15	Nuvi- Sữa lắc trái cây (cam/dâu) - (80ml)	48 H/T	3,650	
16	Sữa bột Nutifood túi (1kg)	12 kg/T	259,000	
17	Sữa bột Dielac Super Stra Vinamilk túi (1kg)	12 kg/T	245,000	

Hải Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Hoay

Được quét bằng CamScanner